

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS – PT

Ngày: 13/6/2024

**NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Việt Hoàng;

Các Thẩm phán: Bà Vương Thị Hà;

Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Anh - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 49/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Viêm Quốc T do có kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

** Bị cáo bị kháng cáo:*

Viêm Q, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Đảng viên ĐCSVN, bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 07/02/2024 theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 110-QĐ/UBKT ngày 07/02/2024 của Ủy Ban kiểm tra thành ủy Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Viêm Quốc M và bà Tô Thị C (đều đã chết); gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ tám; vợ là Nguyễn Thị S, sinh năm 1984; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Xuân T2 - Công ty L, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2021, anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993; HKTT: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và ông Lưu Văn Q, sinh năm 1965, anh Nghiêm Xuân Đ, sinh năm 1980; Cùng HKTT: Khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh cùng nhau góp tiền để thực hiện dự án trồng nho và rau sạch tại khu vực cánh đồng Cổng chùa, khu H, phường V, thành phố B. Sau khi góp đủ tiền vào dự án, anh T1 đứng ra thuê đất nông nghiệp của một số hộ dân và liên hệ với chính quyền địa phương để thực hiện.

Kể từ khoảng đầu tháng 12/2022, anh T1 nhiều lần làm việc với Viêm Quốc T, sinh năm 1981; HKTT: Khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Khi đó, T là Trưởng khu H, phường V), mục đích là muốn nhờ T tạo điều kiện giúp anh T1 thực hiện dự án nói trên. T đồng ý và ra điều kiện phải chi cho T 50.000.000 đồng, đồng thời chi cho một số cán bộ khác của khu H thì T mới giúp triển khai thực hiện dự án, anh T1 đồng ý. Ngày 17/12/2022, tại nhà T, anh T1 đưa cho T 30.000.000 đồng. Quá trình nói chuyện và đưa tiền, anh T1 đã dùng điện thoại di động ghi âm lại toàn bộ. Sau khi nhận được tiền, T đã tiến hành tổ chức hội ý cán bộ khu Hai Vân tại Nhà văn hóa khu H1, thành phần gồm có: Anh Nguyễn Văn T1, Viêm Quốc T, ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966 – Bí thư Chi bộ khu H, ông Lưu Văn T3, sinh năm 1958 – Tổ trưởng tổ Dịch vụ, phụ trách về nông nghiệp khu H và ông Tô Xuân G, sinh năm 1976 – Chi uỷ viên Chi bộ khu H (Hiện tất cả đều ở khu H, phường V). Tại cuộc họp đã thống nhất đồng ý cho anh T1 thực hiện dự án. Đến ngày 20/12/2022, anh T1 tiếp tục đến nhà và đưa cho T 20.000.000 đồng. Cùng ngày, tại Nhà văn hóa khu H1, phường V, Viêm Quốc T tổ chức cuộc họp cán bộ khu, gồm có: Ông B, ông T3, ông G và các hộ dân có đất cho anh T1 Thuê. Kết quả cuộc họp thống nhất cho anh T1 được quyền thuê đất và thực hiện dự án trồng nho, rau sạch tại khu H, phường V, thành phố B. Sau buổi họp này, T đưa anh T1 đến trụ sở UBND phường V, thành phố B gặp ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Nơi ở: Khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, là Phó Chủ tịch UBND phường V để báo cáo ông H cho thực hiện dự án trồng nho và rau sạch tại khu H, phường V, thành phố B. Trong quá trình thực hiện dự án, anh T1, anh Đ và anh Q không thống nhất được việc chi phí số tiền trên cho chính quyền địa phương nên vào ngày 04/4/2023, anh Nguyễn Văn T1 đã có đơn tố cáo vụ việc trên với Cơ quan điều tra Công an thành phố B và đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Các tài liệu, đồ vật đã thu giữ gồm:

- Tạm giữ 03 chiếc USB nhãn hiệu SANDISK, trong đó có 01 USB lưu giữ nội dung cuộc nói chuyện giữa anh T1 và T, 02 USB lưu giữ giọng nói của anh T1 và T;
- Tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng từ Viêm Q.

Bản Kết luận giám định số 5439/KL-KTHS ngày 25/8/2023 của phòng K Công an tỉnh B kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong mẫu cần giám định;

- Tiếng nói của người xưng “anh” và được gọi là “anh” (được ký hiệu là “Thọ” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong các mẫu cần giám định và tiếng nói của Viêm Quốc T trong mẫu so sánh là của cùng một người;

- Tiếng nói của người xưng “em” (được ký hiệu là “T1” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong các file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Văn T1 trong mẫu so sánh là của cùng một người;

- Nội dung ghi âm trong mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 103/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử Viêm Quốc Thọ 32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 50.000.000 đồng do bị cáo T tự nguyện giao nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong các ngày 20, 21/3/2024 Nguyễn Văn T1 kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2024/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh với nội dung đề nghị xem xét về hình phạt đối với bị cáo, bỏ lọt tội phạm và yêu cầu được trả lại số tiền đưa hối lộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh T1 cho rằng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo T là không nghiêm, không đủ sức răn đe đối với tội phạm về chức vụ. T1 khai đã đưa tiền cho ông Nguyễn Văn B 5.500.000 đồng, ông Lưu Văn T3 5.500.000 đồng, ông Tô Xuân G 500.000 đồng và Nguyễn Văn H 3.000.000 đồng. Đối với T nhận của T1 ba lần tiền tổng là 52.000.000 đồng. T1 yêu cầu phải xử lý hình sự những người này về hành vi nhận hối lộ đồng thời trả lại số tiền mà T1 đã đưa hối lộ cho T và các đối tượng trên là 66.500.000 đồng.

Bị cáo T thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” là đúng, không oan. Bị cáo khai T1 là người chủ động tìm bị cáo để nhờ tạo điều kiện cho T1 làm dự án. T1 chủ động đề nghị bồi dưỡng cho T, nên T bảo T1 là đưa cho T 50.000.000 đồng. Ngoài ra T1 không đưa cho T bất cứ khoản tiền hay vật chất nào khác. Đối với việc T1 đưa tiền cho các ông T3, G, B, H thì T không biết, không chứng kiến.

Nguyễn Văn T1 trình bày bản thân T1 không biết việc đưa tiền cho T và những người nói trên là sai. Bản án sơ thẩm nhận định hành vi đưa tiền của T1 là vi phạm pháp luật là không đúng. T là người có chức vụ quyền hạn nên khi yêu cầu đưa tiền thì T1 phải đưa. T1 thừa nhận nguyên nhân T1 tố cáo T

nhận hối lộ là việc không thống nhất được với những người góp vốn cùng làm dự án vì khi T1 đưa tiền không hỏi ý kiến của họ. Khi T1 thỏa thuận hợp đồng thuê với người dân và cải tạo, trồng cây không có ai gây khó khăn, cản trở gì. T1 chủ động đến gặp T và T cũng hỗ trợ T1 trong việc tổ chức cuộc họp các hộ dân và giới thiệu T1 với UBND phường. Tuy nhiên, khi T1 tố cáo T thì chính quyền lại gây khó khăn cho T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh (VKS) thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung kháng cáo và các tình tiết khác trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn T1.

Về nội dung kháng cáo hình phạt đề nghị không cho hưởng án treo đối với T, VKS cho rằng, tư cách tham gia tố tụng của T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó, căn cứ Điều 65, Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) thì T1 không có quyền kháng cáo về trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, xét tính chất mức độ, nhân thân và động cơ phạm tội của T, thì hình phạt 32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp, không nhẹ; không vi phạm Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo.

Về yêu cầu xem xét bỏ lọt tội phạm liên quan đến các ông Nguyễn Văn B, Lưu Văn T3, Tô Xuân G, Nguyễn Văn H, VKS cho rằng từ giai đoạn điều tra đã lấy lời khai cũng như đã cho đối chất giữa T1 và những người này, tuy nhiên, các ông không thừa nhận việc nhận tiền của T1. T1 cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các đối tượng trên nhận tiền của mình. Tại giai đoạn phúc thẩm, T1 cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào nên không có cơ sở xem xét. Sau này, nếu T1 có tài liệu, chứng cứ gì mới thì có thể cung cấp cho CQĐT để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Về yêu cầu bị cáo T và ông B, ông T3, ông G, ông H phải trả lại cho anh T1 số tiền 66.500.000 đồng đã nhận hối lộ của anh T1, đến nay chỉ xác định số tiền nhận hối lộ của bị cáo T là 50.000.000 đồng. Hành vi của T1 là chủ động gặp T nhờ giúp đỡ và chủ động đề nghị việc “bồi dưỡng” cho T. Trước khi gặp T, việc thỏa thuận với người dân và cải tạo, trồng rau diễn ra bình thường, không ai ngăn cấm, gây trở ngại gì cho T1. T1 chủ động gặp T để nhờ T hỗ trợ việc họp dân và giới thiệu với chính quyền địa phương để thực hiện dự án cho đúng. Quá trình làm việc với T, T không có bất cứ hành vi những nhiễu, gây trở ngại gì. Đến khi T bị xử lý thì chính quyền địa phương mới rà soát và phát hiện T1 xây dựng rào chắn vượt ra ngoài khu vực thuê nên buộc T1 phải tháo dỡ. Hoạt động này của chính quyền địa phương không liên quan đến T vì lúc đó T đã bị xử lý, không còn là T4 khu nữa. Do đó, hành vi đưa hối lộ của T1 không thuộc trường hợp bị ép buộc. T1 tuy được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng là hành vi vi phạm pháp luật nên cần phải răn đe, chấn chỉnh, đảm bảo không tiếp tục vi phạm. Số tiền T1 đưa cho T được xác định là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước như Bản án sơ thẩm là

phù hợp. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm nhận định số tiền này là do phạm tội mà có là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T nhất trí với quan điểm của VKS. Luật sư cho rằng, tư cách tham gia tố tụng của T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên không có quyền kháng cáo về trách nhiệm hình sự, VKS cũng không kháng nghị nên phạm vi xét xử cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét tăng nặng đối với bị cáo. Hơn nữa, hình phạt 32 tháng tù cho hưởng án treo đối với T là phù hợp, không nhẹ; không vi phạm quy định về án treo. Việc cho bị cáo tự cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm để giáo dục T trở thành công dân tốt, không cần bắt bị cáo chấp hành tù giam.

Bị cáo T nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát và bào chữa của Luật sư, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1 không đồng ý với nhận định hành vi đưa hối lộ của T1 là vi phạm pháp luật, vì T1 là người dân, không hiểu biết pháp luật, T là người có chức vụ nên yêu cầu gì thì T1 thực hiện.

Đối với việc đưa tiền cho các ông B, ông T3, ông G, ông H là đúng như lời khai của T1. T1 không có chứng cứ gì. Số tiền 65.500.000 đồng là tiền của T1 và 02 người góp vốn cùng, nếu Tòa án truy thu thì T1 phải bù vào tiền các thành viên đã góp. Với T1 đây là số tiền lớn nên đề nghị HĐXX xem xét.

Đối đáp lại phần tranh luận của Nguyễn Văn T1, VKS cho rằng, T1 là người có trình độ văn hóa 12/12; có đủ nhận thức pháp luật. Lẽ ra T1 phải hiểu được việc đưa tiền cho cán bộ để nhờ vả tạo điều kiện làm việc là hành vi sai trái. Thực tế, khi đưa tiền cho T thì T1 cũng đã bí mật ghi âm. Tại giai đoạn điều tra và Bản án sơ thẩm nhận định hành vi của T1 là hành vi sai trái, cần chấm dứt hoàn toàn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm này, T1 vẫn cố tình không nhận thức việc làm của mình là sai thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của T1 rất thấp. Hơn nữa, việc T1 tố cáo T ra cơ quan công an không phải xuất phát từ ý thức bảo vệ pháp luật, đấu tranh với hành vi vi phạm của người có chức vụ quyền hạn mà chỉ xuất phát từ xung đột nội bộ, mâu thuẫn lợi ích với những người góp vốn khi tự ý dùng tiền chung của mọi người để hối lộ cho T. Do đó, việc truy thu số tiền mà T1 đưa hối lộ cho T như Bản án sơ thẩm là phù hợp.

Các bên giữ nguyên quan điểm của mình, không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của BLTTHS, không bị khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T1 có kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, HĐXX thấy anh Nguyễn Văn T1 góp vốn cùng với anh Lưu Văn Q và anh Nghiêm Xuân Đ có nhu cầu trồng nho và rau sạch tại khu vực cánh đồng Cổng chùa, khu H, phường V, thành phố B. Để được thuận lợi trong việc thuê đất của người dân và thực hiện dự án, anh T1 chủ động liên hệ với Viêm Quốc T - Trưởng khu H, phường V để nhờ giúp đỡ, tạo điều kiện thực hiện dự án. T đồng ý giúp T1 trong việc tổ chức cuộc họp khu phố với các hộ dân và giới thiệu với chính quyền phường Vân D và nhận của T1 50.000.000 đồng. T không có hành vi nhũng nhieu, gây trở ngại gì cho anh T1 trước và trong quá trình triển khai dự án. Tuy nhiên, do những người góp vốn với anh T1 không đồng ý việc T1 tự ý đưa tiền cho T mà không hỏi ý kiến mọi người và buộc T1 phải tự bỏ tiền ra nên T1 đã tố cáo T ra Cơ quan công an. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử T về tội Nhận hối lộ, theo khoản điểm a khoản 1 Điều 354 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hành vi của Nguyễn Văn T1 đã chủ động đến gặp T, đưa cho T 50.000.000 đồng để T giúp đỡ, tạo điều kiện trong quá trình thực hiện dự án là có dấu hiệu của tội Đưa hối lộ. Tuy nhiên, trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, T1 đã chủ động khai báo do đó, cấp sơ thẩm đã xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T1 là phù hợp.

[4] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, HĐXX xét thấy:

[5] Đối với nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1 đề nghị xem xét lại hình phạt đối với bị cáo T, chuyển từ phạt tù nhưng cho hưởng án treo sang hình phạt tù giam, HĐXX nhận định như sau: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 65, Điều 331 BLTTHS về quyền kháng cáo phúc thẩm thì Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Do đó, anh T1 không có quyền kháng cáo về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Viện kiểm sát cũng không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo này của anh T1.

[6] Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo T tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính 50.000.000 đồng để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[7] Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến việc xem xét bỏ lọt tội phạm đối với các ông Nguyễn Văn B, Lưu Văn T3, Tô Xuân G, Nguyễn Văn H có hành vi nhận hối lộ của T1. Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đều không có căn cứ, tài liệu chứng minh phạm tội của những đối tượng trên. Cơ quan điều tra đã cho T1 đối chất với những người trên nhưng không ai thừa nhận đã nhận tiền hay vật chất từ T1. Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài lời khai ra thì T1 cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các ông B, T3, Giao, H nhận hối lộ, vì vậy HĐXX không có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung về bỏ lọt tội phạm. Sau này nếu anh T1 có tài liệu, chứng cứ nào mới

chứng minh tội phạm thì có thể cung cấp cho CQĐT để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu bị cáo T, ông B, ông T3, ông G, ông H trả lại 66.500.000 đồng đã nhận của T1. Đến nay chỉ có bị cáo T bị đưa ra xét xử đối với hành vi nhận hối lộ với số tiền 50.000.000 đồng, không có căn cứ chứng minh ông B, ông T3, ông G, ông H nhận tiền của T1 vì vậy HĐXX chỉ xem xét xử lý đối với số tiền 50.000.000 đồng. Xét thấy T1 là người chủ động tìm nhờ T tạo điều kiện thực hiện dự án và chủ động đề nghị “bồi dưỡng” cho T. Trước khi gặp T và trong quá trình làm việc, T không có bất cứ hành vi những nhiễu, gây cản trở gì cho T1. Hành vi của T1 thuộc trường hợp được xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đưa hối lộ chứ không phải thuộc trường hợp không phạm tội. Hơn nữa trong quá trình xét xử cấp sơ thẩm và phúc thẩm, T1 vẫn cố tình không nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vì vậy, cần tịch thu sung ngân sách số tiền này mà không trả cho T1 để răn đe, giáo dục T1 không tiếp tục vi phạm là cần thiết. Do đó, quan điểm tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền nhận hối lộ của T mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cũng như đề nghị của VKS tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1 không được chấp nhận nên anh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: V (Ba mươi hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Nhận hối lộ”, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Viêm Quốc T cho UBND phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000 đồng do bị cáo T tự nguyện giao nộp.

Theo giấy Ủy nhiệm chi số 01 ngày 24/01/2024 tại Kho bạc nhà nước và biên lai thu tiền số 0000445 ngày 26/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Xác nhận anh T1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000712 ngày 21/3/2024.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 - CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT; VKS; TAND TP Bắc Ninh;
- UBND Phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Việt Hoàng